

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2017/HNGĐ-PT
Ngày: 29-11-2017
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con và
chia tài sản chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Mai.

Các Thẩm phán: Bà Đặng Thị Đồng;

Bà Nguyễn Thị Thúy Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2017/TLPT-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2017 về “Tranh chấp ly hôn, con chung, chia tài sản chung khi ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 34/2017/HNGĐ-ST ngày 02 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 43/2017/QĐ-PT ngày 08 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Thùy V, sinh năm 1978; cư trú tại: Ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lý Phong V1, sinh năm 1977; cư trú tại: Ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn anh Lý Phong V1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 4 năm 2016 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Thùy V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lý Phong V1 chung sống với nhau vào năm 1999 đến năm 2002 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt là

UBND) xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Trong thời gian chung sống anh V1 thường xuyên uống rượu, kiếm chuyện gây gỗ, ghen tuông vô cớ và đuổi chị đi. Chị và anh V1 ly thân từ ngày 05-4-2016 cho đến nay. Chị yêu cầu được ly hôn với anh V1.

Về con chung: Chị và anh V1 có 01 con chung tên Lý Thị M, sinh ngày 29-11-2001. Thời gian ly thân, cháu M sống với chị, chị yêu cầu nuôi con, không yêu cầu anh V1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung của vợ chồng gồm có:

- Phần đất nông nghiệp diện tích 17.672 m² (diện tích thực tế là 17.647 m²) tờ bản đồ số 03, gồm các thửa 611, 612 thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) số: 01007/QSDĐ/773/HĐ – CN do UBND huyện B cấp ngày 23-9-2003 cho anh Lý Phong V1 đứng tên. Trong đó, có thửa số 914, 916 cấp trùng đất của ông Đ, chị không tranh chấp hai thửa đất này.

- Phần đất nông nghiệp diện tích 7.769,3 m², tờ bản đồ số 01, gồm các thửa 157 và 158 GCNQSDĐ số: HL 01998/QSDĐ/1339/2008/QĐ-UBND do UBND huyện B cấp ngày 09-10-2008 cho anh V1 và chị V đứng tên.

- Phần đất nông nghiệp diện tích 3.141,6 m², tờ bản đồ số 06, thửa số 60, đã làm thủ tục kê khai nhưng chưa có GCNQSDĐ.

Cả ba phần đất tọa lạc tại Ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

Các phần đất trên vợ chồng chị mua của ông Vương Văn S. Trước đây, ba anh V1 là ông Lý Văn G (đã chết) có cho vợ chồng 1,3 ha đất nhưng sau đó lấy lại và cho vợ chồng chị 30.000.000 đồng. Vợ chồng chị dùng số tiền này cùng với tiền chung của vợ chồng góp lại để mua đất, trong đó, tiền chung của vợ chồng mua được 1,2 ha, còn số tiền 30.000.000 đồng của ba anh V1 cho thì mua được 1,3 ha. Nay chị V yêu cầu chia hai diện tích đất nói trên.

Ngoài ra, tài sản chung của vợ chồng còn có: 01 xe mô tô Future biển số 70C1 – 17651; 5,5 chỉ vàng 18k do chị quản lý; 01 chiếc xe mô tô Balas biển số 70 – 28011 cho cháu M sử dụng đi học; 01 xe mô tô Dream biển số 70 – 1432; tiền vốn trồng mì 20.000.000 đồng, một căn nhà lợp tole, vách đất, nền đất, đòn tay gỗ, 12 cột xi măng anh V1 quản lý. Tuy nhiên, đối với số tài sản trên chị không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị và anh V1 thống nhất ai quản lý tài sản nào thì người đó tiếp tục quản lý, sử dụng.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

Bị đơn anh Lý Phong V1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất như lời trình bày của chị V về hôn nhân, thời gian kết hôn và thời gian vợ chồng ly thân. Về mâu thuẫn giữa vợ chồng: Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống rất hạnh phúc, nhưng cách đây khoảng hơn 01 năm, anh thừa nhận có gây gỗ với chị V và có lần uống rượu, tức giận anh có đuổi chị V ra khỏi nhà nên chị V bỏ đi cho đến nay. Vợ chồng ly thân đã hơn 01 năm nhưng không có giải pháp khắc phục. Do đó, anh cũng đồng ý ly hôn với chị V.

Về con chung: có 01 con chung tên **Lý Thị M, sinh ngày 29-11-2001**. Anh đồng ý giao con chung cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, nhưng anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung của vợ chồng gồm có:

- Phần đất nông nghiệp diện tích 7.769,3 m² tờ bản đồ số 01 gồm các thửa 157 và 158 GCNQSDĐ số: HL 01998/QSDĐ/1339/2008/QĐ-UBND do UBND huyện B cấp ngày 09-10-2008 cho anh và chị V đứng tên.

- Phần đất nông nghiệp diện tích 3.141,6 m², tờ bản đồ số 06, thửa số 60, đã làm thủ tục kê khai nhưng chưa được cấp GCNQSDĐ.

- Phần đất nông nghiệp diện tích 17.672 m² (diện tích thực tế là 17.647 m²) tờ bản đồ số 03, gồm các thửa 611, 612 GCNQSDĐ số: 01007/QSDĐ/773/HĐ – CN do UBND huyện B cấp ngày 23-9-2003 cho anh đứng tên, trong đó, có thửa số 914, 916 cấp trùng đất của ông Đ, anh không tranh chấp hai thửa đất này với ông Đ.

Đất tọa lạc tại Ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

Anh V1 xác định các phần đất trên vợ chồng anh mua của ông Vương Văn S. Khi còn sống, ba anh là ông Lý Văn G có cho vợ chồng 1,4 ha đất nhưng sau đó ba anh lấy lại và cho vợ chồng anh 30.000.000 đồng. Vợ chồng anh mới lấy số tiền này cùng với tiền chung của vợ chồng góp lại mua. Trong đó, tiền chung của vợ chồng mua được 1,2 ha, còn 1,4 ha là lấy 30.000.000 đồng của ba anh mua cho riêng anh đứng tên nên không phải tài sản chung của vợ chồng, anh không đồng ý chia cho chị V. Các phần đất còn lại đồng ý chia hai.

Ngoài tài sản trên, anh V1 xác định tài sản chung của vợ chồng còn có: Chị V đang quản lý: 01 xe mô tô Future biển số 70C1 – 17651, 5,5 chỉ vàng 18k. Cho cháu M 01 chiếc xe mô tô Balas biển số 70 – 28011 sử dụng đi học. Anh đang quản lý 01 xe mô tô Dream biển số 70 – 1432, tiền vốn trồng mì 20.000.000 đồng, một căn nhà lợp tole, vách đất, nền đất, đòn tay gỗ, 12 cột xi măng. Anh và chị V thống nhất ai quản lý tài sản nào thì người đó tiếp tục quản lý sử dụng. Anh không tranh chấp, không yêu cầu chia tài sản này.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

* *Giá trị tài sản tranh chấp:* Diện tích đất nông nghiệp 28.557,9 m² có giá 30.000 đồng/m² = 856.737.000 đồng.

Tại Bản án số: 34/2017/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ các Điều 33, 37, 56, 59, 62, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 100, 203 Luật Đất đai 2013; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH10 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Thùy V đối với anh Lý Phong V1.

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Thùy V và anh Lý Phong V1 .

2. Về con chung: Giao cháu **Lý Thị M, sinh ngày 29-11-2001** cho chị Phạm Thị Thùy V tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lý Phong V1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh V1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của chị Phạm Thị Thùy V đối với anh Lý Phong V1.

3.1. Chị Phạm Thị Thùy V được sở hữu:

- Diện tích 4.735,6 m² thửa 157 tờ bản đồ số 01 GCNQSDĐ số: HL 01998/QSDĐ/1339/2008/QĐ-UBND do UBND huyện B cấp ngày 09-10-2008 cho anh V1 và chị V đứng tên Đất có tứ cận: Đông giáp đất thửa 158 của anh Lý Phong V1 dài 55,36 m; Tây giáp thửa 170 của ông Trần Văn Q dài 33,99 m; Nam giáp thửa 20 chia cho chị Phạm Thị Thùy V và một phần thửa 30 chia cho anh Lý Phong V1 và dài 95,59 m; Bắc giáp mương nước dài 94,57 m.

- Diện tích 6.131,7 m² thửa 611 (tương ứng với thửa 20) tờ bản đồ số 03 GCNQSDĐ số: 01007/QSDĐ/773/HĐ – CN do UBND huyện B cấp ngày 23-9-2003 cho anh Lý Phong V1 đứng tên có tứ cận: Đông giáp đất thửa 30 chia cho anh Lý Phong V1 dài 121,24 m; Tây giáp thửa 38,19 của ông Trần Văn Đ1 và thửa 170 của ông Trần Văn Q dài 129,31 m; Nam giáp thửa 60 chia cho chị Phạm Thị Thùy V dài 44,98 m; Bắc giáp thửa 157 chia cho chị Phạm Thị Thùy V dài 52,98 m.

- Diện tích đất 3.141,6 m² thửa 60, tờ bản đồ số 06 có tứ cận: Đông giáp đất thửa 79 của ông Trần Văn C dài 22,72 m; Tây giáp thửa 38,59 của ông Trần Văn Đ1 dài 25,72 m; Nam giáp thửa 69 của ông Trần Văn Đ dài 128,08 m; Bắc giáp thửa 20, 30 của anh Lý Phong V1 và Phạm Thị Thùy V dài 129,84 m.

Ba thửa đất trên tọa lạc tại Ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

3.2. Anh Lý Phong V1 được sở hữu:

- Diện tích 3.033,7 m² thửa 158 tờ bản đồ số 01 GCNQSDĐ số: HL 01998/QSDĐ/1339/2008/QĐ-UBND do UBND huyện B cấp ngày 09-10-2008 cho anh V1 và chị V đứng tên Đất có tứ cận: Đông giáp đất thửa 182 của ông Trần Văn C dài 61,27 m; Tây giáp thửa 157 chia cho chị Phạm Thị Thùy V dài 55,36 m; Nam giáp thửa 30 chia cho anh Lý Phong V1 dài 47,98 m; Bắc giáp mương nước dài 55,08 m.

- Diện tích 11.515,3 m² thửa 612 (tương ứng với thửa 30) tờ bản đồ số 03 GCNQSDĐ số: 01007/QSDĐ/773/HĐ –CN do UBND huyện B cấp ngày 23-9-2003 cho anh Lý Phong V1 đứng tên có tứ cận: Đông giáp đất thửa 182 và thửa 45 của ông Trần Văn C dài 148,16 m; Tây giáp thửa 20 chia cho chị Phạm Thị Thùy V dài 121,24 m; Nam giáp thửa 60 chia cho chị Phạm Thị Thùy V dài 84,86 m; Bắc giáp một phần thửa 157 chia cho chị Phạm Thị Thùy V và thửa 158 chia cho anh Lý Phong V1 dài 90,59 m.

Hai thửa đất trên tọa lạc tại Ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

Chị V và anh V1 có nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để hoàn tất việc sang tên quyền sử dụng đất.

4. Về nợ chung: Chị Phạm Thị Thùy V và anh Lý Phong V1 xác định không có nên không xem xét giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo.

Ngày 10 tháng 8 năm 2017, bị đơn anh Lý Phong V1 có đơn kháng cáo với nội dung: Anh không đồng ý chia phần đất có diện tích 17.647 m² thuộc

GCNQSDĐ số: 01007/QSDĐ/773/HĐ cho chị Phạm Thị Thùy V vì đây là tài sản riêng của anh có trước khi kết hôn với chị V.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị V xác định trong diện tích đất 17.647m² chị công nhận có 13.000 m² là tài sản riêng của anh V1, chị đồng ý trả lại cho anh V1. Các tài sản còn lại đã định giá, chị yêu cầu chia thành 3 phần, giao cho chị được hưởng 2 phần để chị có điều kiện nuôi con, yêu cầu anh V1 thanh toán bằng tiền. Anh V1 cũng đồng ý với yêu cầu của chị V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa, chị Phạm Thị Thùy V và anh Lý Phong V1 thỏa thuận như sau:

Về tài sản chung: Diện tích đất nông nghiệp 28.557,9 m² có giá 30.000 đồng/m² = 856.737.000 đồng. Giá trị tài sản riêng của anh V1, không yêu cầu chia là 13.000 m² x 30.000 đồng = 390.000.000 đồng. Giá trị tài sản chung còn lại là 856.737.000 đồng – 390.000.000 đồng = 466.737.000 đồng/ chia 3 phần = 155.579.000 đồng. Chị V được hưởng 2 phần trị giá 311.158.000 đồng, anh V1 được hưởng 155.579.000 đồng. Anh V1 có nghĩa vụ thanh toán cho chị V số tiền 311.158.000 đồng.

Anh V1 được quyền sở hữu, sử dụng các phần đất gồm:

- Diện tích 7.769,3 m² thửa 157, 158 tờ bản đồ số 01 thuộc GCNQSDĐ số: HL 01998/QSDĐ/1339/2008/QĐ-UBND do UBND huyện B cấp ngày 09-10-2008 cho anh V1 và chị V đứng tên.

- Diện tích đất 3.141,6 m² thửa 60, tờ bản đồ số 06 chưa được cấp giấy CNQSDĐ.

- Diện tích 17.647 m² thửa 611, 612 (tương ứng với thửa 20, 30) tờ bản đồ số 03 thuộc GCNQSDĐ số: 01007/QSDĐ/773/HĐ –CN do UBND huyện B cấp ngày 23-9-2003 cho anh Lý Phong V1 đứng tên. Trong đó, có 4.647 m² là tài sản chung của chị V, anh V1.

Các thửa đất trên tọa lạc tại Ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

Về quan hệ hôn nhân và con chung, nợ chung: Chị V, anh V1 không kháng cáo, thống nhất như bản án sơ thẩm đã quyết định.

Về án phí, chi phí tố tụng khác: Yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án; sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, do đó Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm và công nhận sự thỏa thuận của chị V, anh V1.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Sửa bản án sơ thẩm;

- Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Phạm Thị Thùy V và anh Lý Phong V1 như sau:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Thùy V và anh Lý Phong V1.

2. Về con chung: Chị Phạm Thị Thùy V trực tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục **cháu Lý Thị M, sinh ngày 29-11-2001**. Anh Lý Phong V1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh V1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung:

3.1. Anh Lý Phong V1 có nghĩa vụ thanh toán cho chị Phạm Thị Thùy V số tiền 311.158.000 đồng (ba trăm mười một triệu một trăm năm mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày chị V có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng anh V1 còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3.2. Anh V1 được sở hữu, sử dụng các tài sản gồm:

- Diện tích 7.769,3 m² thửa 157, 158 tờ bản đồ số 01, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: HL 01998/QSDD/1339/2008/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 09-10-2008 cho anh V1 và chị V. Đất có tứ cận: Đông giáp đất thửa 182 của ông Trần Văn C; Tây giáp thửa 170 của ông Trần Văn Q; Nam giáp thửa 20, 30 của anh V1; Bắc giáp nương nước.

- Diện tích đất 3.141,6 m² thửa 60, tờ bản đồ số 06, có tứ cận: Đông giáp đất thửa 79 của ông Trần Văn C; Tây giáp thửa 38, 59 của ông Trần Văn Đ1; Nam giáp thửa 69 của ông Trần Văn Đ; Bắc giáp thửa 20, 30 của anh Lý Phong V1.

- Diện tích 17.647 m² thửa 611, 612 (thửa mới 20, 30) tờ bản đồ số 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 01007/QSDD/773/HĐ-CN do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 23-9-2003 cho anh V1, đất có tứ cận: Đông giáp đất thửa 182 và thửa 45 của ông Trần Văn C; Tây giáp thửa 19, 38 của ông Trần Văn Đ1, thửa 170 của ông Trần Văn Q; Nam giáp thửa 60; Bắc giáp thửa 157, 158.

Các thửa đất trên tọa lạc tại Ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

4. Về án phí:

- Chị Phạm Thị Thùy V phải chịu 150.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 15.558.000 đồng (mười lăm triệu năm trăm năm mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản. Tổng cộng chị V phải chịu 15.758.000 đồng. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị V đã nộp 12.200.000 đồng tại Biên lai số: 0020175 ngày 25-4-2016, của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Tây Ninh, chị V còn phải nộp 3.558.000 đồng (ba triệu năm trăm năm mươi tám nghìn đồng).

- Anh Lý Phong V1 phải chịu 150.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 7.779.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản. Tổng cộng

anh V1 phải chịu 7.929.000 đồng (bảy triệu chín trăm hai mươi chín nghìn đồng).

- Anh Lý Phong V1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Ghi nhận anh V1 đã nộp xong 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số: 0020955 ngày 17-8-2017, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Tây Ninh.

5. Chi phí đo đạc, định giá: Chị V tự nguyện chịu 1.200.000 đồng (ghi nhận đã nộp xong).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND h. Bến Cầu;
- CCTHADS h. B;
- Phòng KTNV&THA Tòa án tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Võ Thị Hồng Mai

\